|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ PLEIKU**PHÒNG TƯ PHÁP****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |  |

**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN**

**LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2018**

Ngày 20/11/2018, tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH13 (sau đây gọi là Luật Công an nhân dân năm 2018). Chủ tịch nước ký Lệnh số 15/2018/L-CTN ngày 04/12/2018 công bố Luật Công an nhân dân. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2019 (riêng các quy định về cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng; phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm cấp tướng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức các chức vụ có cấp bậc hàm cấp nhất là cấp tướng có hiệu lực thi hành từ ngày 11/01/2019).

**I. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2018**

Luật Công an nhân dân năm 2018 gồm 07 chương, 46 điều. So với Luật Công an nhân dân năm 2014 (07 chương, 45 điều), Luật Công an nhân dân năm 2018 đã bổ sung 03 điều, sửa đổi, bổ sung 40 điều, bỏ 02 điều; cụ thể như sau:

**Chương I. Quy định chung**, gồm 14 điều (từ Điều 1 đến Điều 14), quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; vị trí của Công an nhân dân; nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Công an nhân dân; xây dựng Công an nhân dân; ngày truyền thống của Công an nhân dân; tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân; nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; chế độ phục vụ của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân và công nhân công an; giám sát hoạt động của Công an nhân dân; quan hệ phối hợp giữa Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ với Công an nhân dân; trách nhiệm của Chính phủ và Bộ, ngành trung ương đối với hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng Công an nhân dân;trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đối với hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng Công an nhân dân; trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ Công an nhân dân.

**Chương II. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân**, gồm 02 điều (Điều 15 và Điều 16) quy định về chức năng của Công an nhân dân; nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân.

**Chương III. Tổ chức của Công an nhân dân**, gồm 03 điều (từ Điều 17 đến Điều 19) quy định về hệ thống tổ chức của Công an nhân dân; thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trong Công an nhân dân; chỉ huy trong Công an nhân dân.

**Chương IV. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân**, gồm 13 điều (từ Điều 20 đến Điều 32) quy định về phân loại, bố trí sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; hệ thống cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; đối tượng, điều kiện, thời hạn xét phong, thăng cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; thăng cấp bậc hàm trước thời hạn và thăng cấp bậc hàm vượt bậc; chức vụ, chức danh của sĩ quan Công an nhân dân; cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan Công an nhân dân; thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm, nâng lương sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức các chức vụ; bổ nhiệm, miễn nhiệm trong Công an nhân dân;thủ tục phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm trong Công an nhân dân; điều động sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; biệt phái sĩ quan Công an nhân dân; hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan, sĩ quan Công an nhân dân; nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; những việc sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không được làm.

**Chương V. Bảo đảm điều kiện hoạt động và chế độ, chính sách đối với Công an nhân dân**, gồm 10 điều (từ Điều 33 đến Điều 42) quy định về bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Công an nhân dân; công nghiệp an ninh; trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, thiết bị, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện khác; trang phục, công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân; chính sách đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; tiền lương, phụ cấp, nhà ở và điều kiện làm việc đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; chăm sóc sức khoẻ đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, sinh viên, học sinh, công nhân công an và thân nhân; chế độ nghỉ ngơi của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và công nhân công an; chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, bệnh binh, hy sinh, từ trần; chế độ, chính sách đối với sinh viên, học sinh, công nhân công an, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ và thân nhân của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

**Chương VI. Khen thưởng và xử lý vi phạm** gồm 02 điều (Điều 43 và Điều 44) quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm.

**Chương VII. Điều khoản thi hành** gồm 02 điều (từ Điều 45 đến Điều 46) quy định về hiệu lực thi hành; điều khoản chuyển tiếp.

**II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2018**

**1. Quy định chung (Chương I)**

*1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)*

So với Luật Công an nhân dân năm 2014 (Luật CAND năm 2014), Luật Công an nhân dân năm 2018 (Luật CAND năm 2018) đã bổ sung một số nội dung để thể hiện bao quát đầy đủ các quy định thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật (Điều 1): vị trí; bảo đảm điều kiện hoạt động; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

*1.2. Đối tượng áp dụng*

Theo kỹ thuật lập pháp mới, các dự án luật không cần thiết quy định đối tượng áp dụng. Do đó, Luật CAND năm 2018 không quy định điều khoản về đối tượng áp dụng như Luật CAND năm 2014 trong Chương về quy định chung (Điều 2).

*1.3. Giải thích từ ngữ (Điều 2)*

Để bảo đảm tính chính xác, cụ thể, đầy đủ nội dung của các từ ngữ được giải thích, Luật CAND năm 2018 đã bổ sung một số nội dung như sau:

- Bổ sung phạm vi của khái niệm về bảo vệ an ninh quốc gia, cụ thể như sau: “*Bảo vệ an ninh quốc gia* là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia *và loại trừ nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia*”.

- Điều chỉnh khái niệm về sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật để phù hợp với tính chất đặc thù của những vị trí này trong Công an nhân dân, cụ thể như sau: “*Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật* là công dân Việt Nam *được tuyển chọn, hoạt động trong lĩnh vực* chuyên môn kỹ thuật của Công an nhân dân, được phong, thăng cấp bậc hàm cấp tá, cấp úy, hạ sĩ quan”.

- Chỉ rõ cụ thể đối tượng với điều kiện đặc trưng của công nhân công an, cụ thể như sau: “*Công nhân công an* là *công dân Việt Nam có trình độ chuyên môn kỹ thuật,* được tuyển dụng vào làm việc trong Công an nhân dân mà không thuộc diện được phong cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ”.

*1.4. Vị trí của Công an nhân dân (Điều 3)*

Luật CAND năm 2018 không quy định cơ cấu của Công an nhân dân gồm lực lượng An ninh nhân dân, lực lượng Cảnh sát nhân dân và Công an xã như Luật CAND năm 2014 nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cho phù hợp. Bởi Công an nhân dân không chỉ có lực lượng An ninh nhân dân, Cảnh sát nhân dân và Công an xã mà bao gồm nhiều lực lượng như: An ninh, Cảnh sát, Tình báo, Hậu cần - Kỹ thuật... Do đó, việc không quy định cơ cấu các lực lượng này để bảo đảm linh hoạt, thuận lợi cho việc điều động, luân chuyển lãnh đạo, cán bộ giữa các đơn vị với nhau.

*1.4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Công an nhân dân (Điều 4)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 đã sửa đổi một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp được gọn gàng, phù hợp với tên Điều luật (Điều 4).

Theo đó, Luật CAND năm 2018 quy định 3 nguyên tắc sau: (i) Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà của của Chính phủ và sự chỉ huy, quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an; (ii) Được tổ chức tập trung, thống nhất, *chuyên sâu, tinh gọn* và theo cấp hành chính từ trung ương đến cơ sở; (iii) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

*1.5. Xây dựng Công an nhân dân (Điều 5)*

Luật CAND năm 2018 đã bổ sung quy định *“ưu tiên hiện đại hóa một số lực lượng”* tại Điều 5 để mang tính nguyên tắc. Qua đó, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng các văn bản pháp luật dưới luật quy định cụ thể về vấn đề này để bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ. Đồng thời, bỏ quy định *“có chính sách đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân”*, bởi nội dung này đã được bao hàm trong xây dựng Công an nhân dân.

*1.6. Ngày truyền thống của Công an nhân dân (Điều 6)*

Luật CAND năm 2018 kế thừa quy định của Luật CAND năm 2014, cụ thể như sau: Ngày 19 tháng 8 hằng năm là ngày truyền thống của Công an nhân dân và là ngày hội “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

*1.7. Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân (Điều 7)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 đã sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung một số quy định để phù hợp với thực tế, yêu cầu tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân:

+ Quy định về *độ tuổi* để tuyển chọn;

+ Quy định *“Công an nhân dân có nhu cầu”* để bảo đảm tương quan với quy định *“công dân có nguyện vọng”.*

- Thay thế cụm từ *“học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề”* bằng cụm từ *“cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp”* để bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Bổ sung một khoản với nội dung *“Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này”.* Theo đó, các quy định về tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân sẽ được quy định chi tiết tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an.

*1.8. Nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (Điều 8)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 đã sửa đổi, bổ sung như sau:

- Giảm thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân của công dân từ ba năm (36 tháng) xuống còn 24 tháng để bảo đảm tương đồng, phù hợp với thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân theo Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015.

- Bổ sung quy định về kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ để bảo đảm phù hợp với Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, cụ thể như sau:

“Bộ trưởng Bộ Công an quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ nhưng không quá 06 tháng trong trường hợp sau đây:

(i) Để bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu;

(ii) Đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ.”

- Bổ sung quy định Chính phủ quy định chi tiết thủ tục tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

*1.9. Chế độ phục vụ của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân và công nhân công an (Điều 9)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 đã thay thế cụm từ *“Công dân phục vụ trong Công an nhân dân xuất ngũ, chuyển ngành”* thành *“Công dân thôi phục vụ trong Công an nhân dân”* để bảo đảm phù hợp với Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015.

*1.10. Giám sát hoạt động của Công an nhân dân (Điều 10)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 đã sửa đổi, bổ sung như sau:

Bổ sung một số chủ thể giám sát hoạt động của Công an nhân dân *(cơ quan của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân)* để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Hiến pháp năm 2013, khoản 6 Điều 2 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

*1.11. Quan hệ phối hợp giữa Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ với Công an nhân dân (Điều 11)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 đã sửa đổi, bổ sung như sau:

Bổ sung nội dung *“đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”* để phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ trong mối quan hệ phối hợp với nhau.

*1.12. Bổ sung quy định về trách nhiệm đối với hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng Công an nhân dân (Điều 12 và Điều 13)*

Về trách nhiệm đối với hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng Công an nhân dân, Luật CAND năm 2018 đã bổ sung 02 điều quy định về trách nhiệm của Chính phủ và Bộ, ngành trung ương; trách nhiệm của của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 12 và Điều 13).

*1.13. Trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ Công an nhân dân (Điều 14)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 chỉnh lý một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp cho phù hợp.

**2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân (Chương II)**

*2.1. Chức năng của Công an nhân dân (Điều 15)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 bổ sung cụm từ *“vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”* cho phù hợp với vị trí của lực lượng Công an nhân dân và chỉnh lý một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

*2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân (Điều 16)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung cụm từ *“vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”* cho phù hợp với vị trí của lực lượng Công an nhân dân.

- Bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn cho phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Công an nhân dân được quy định tại Hiến pháp năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác như: “*bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; quản lý về an ninh mạng, bảo vệ an ninh mạng và phòng, chống tội phạm mạng; quản lý về thi hành tạm giữ, tạm giam; giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự; quản lý đối tượng được tha tù trước thời hạn có điều kiện; thực hiện công tác dẫn giải, áp giải, quản lý kho vật chứng, bảo vệ phiên tòa; quản lý về cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cấp, quản lý thẻ căn cước công dân và giấy tờ tùy thân khác; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ an ninh mạng, truyền thông; hướng dẫn, huấn luyện nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật đối với các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; quản lý, phát triển công nghiệp an ninh; thực hiện nghĩa vụ quốc tế; Bộ Công an là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hoạt động dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.”*

**3. Tổ chức của Công an nhân dân (Chương III)**

*3.1. Hệ thống tổ chức của Công an nhân dân (Điều 17)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung *“Công an thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương”* vào hệ thống tổ chức của Công an nhân dân để phù hợp với Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

- Bỏ quy định việc thành lập Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới của Bộ Công an.

- Bỏ quy định *“Công an xã là lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Công an xã do luật quy định”* và quy định việc *“điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã”* bởi Công an xã đã được xác định như một cấp Công an chính quy và được điều chỉnh bởi Luật này nên không cần thiết phải quy định bằng một đạo luật khác. Đồng thời, bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định cụ thể việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy.

*3.2. Thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trong Công an nhân dân (Điều 18)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với tổ chức bộ máy mới của Bộ Công an và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

*3.3. Chỉ huy trong Công an nhân dân (Điều 19)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 chỉnh lý một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

**4. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (Chương IV)**

*4.1. Phân loại, bố trí sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (Điều 20)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bỏ quy định phân loại theo lực lượng trong Công an nhân dân để phù hợp với việc không quy định cơ cấu của Công an nhân dân gồm lực lượng An ninh nhân dân, lực lượng Cảnh sát nhân dân và Công an xã (như Điều 3).

- Bổ sung quy định *“Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể việc phân loại, bố trí sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ theo tính chất hoạt động”* để quy định chi tiết việc phân loại, bố trí này.

*4.2. Hệ thống cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (Điều 21)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 chỉnh lý một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

*4.3. Đối tượng, điều kiện, thời hạn xét phong, thăng cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (Điều 22)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bỏ đối tượng xét phong cấp bậc hàm đối với sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng cho phù hợp với mô hình sắp xếp các cơ sở đào tạo trong Công an nhân dân.

- Bổ sung *“viên chức”* vào đối tượng xét phong cấp bậc hàm.

- Thay thế cụm từ *“học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề”* bằng cụm từ *“cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp”* để bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi quy định “*Bộ trưởng Bộ Công an quy định* thời hạn xét *nâng bậc lương,* thăng cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật *tương ứng với mức lương trong bảng lương chuyên môn kỹ thuật* do Chính phủ quy định” cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Bổ sung quy định *“Bộ trưởng Bộ Công an quy định thời hạn xét thăng cấp bậc hàm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ”.*

*4.4. Thăng cấp bậc hàm trước thời hạn và thăng cấp bậc hàm vượt bậc (Điều 23)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 chỉnh lý một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

*4.5. Chức vụ, chức danh của sĩ quan Công an nhân dân (Điều 24)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bỏ chức vụ Tổng cục trưởng và thêm các chức vụ Trưởng Công an thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Trưởng Công an xã trong hệ thống chức vụ cơ bản của sĩ quan.

- Bổ sung quy định *“Chức danh nghiệp vụ và tiêu chuẩn các chức danh nghiệp vụ của sĩ quan Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định theo quy định của pháp luật”* cho phù hợp với tình hình thực tế.

*4.6. Cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan Công an nhân dân (Điều 25)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

(i) Cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng đối với chức vụ của sĩ quan Công an nhân dân

- Không quy định cụ thể các vị trí có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng như Luật CAND năm 2014 mà xác định các vị trí này theo các tiêu chí của các đơn vị như sau:

+ Đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tham mưu chiến lược, đầu mối phối hợp với các bộ, ngành, địa phương;

+ Đơn vị có hệ lực lượng theo ngành dọc, quy mô hoạt động toàn quốc, trực tiếp chủ trì phối hợp hoặc tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm;

+ Đơn vị có chức năng nghiên cứu, hướng dẫn, quản lý nghiệp vụ toàn lực lượng.

- Quy định cụ thể vị trí *Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương* có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng. Trong khi Luật CAND năm 2014 quy định vị trí này thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Quy định *“cứng”* số lượng vị trí có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng không quá 35.

(ii) Cấp bậc hàm cao nhất là Thiếu tướng đối với chức vụ của sĩ quan Công an nhân dân

- Không quy định cụ thể các vị trí có cấp bậc hàm cao nhất là Thiếu tướng như Luật CAND năm 2014 mà xác định các vị trí này như sau:

+ Cục trưởng của đơn vị trực thuộc Bộ Công an và chức vụ, chức danh tương đương, trừ trường hợp có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng;

+ Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ở địa phương được phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I và là địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, diện tích rộng, dân số đông. Số lượng không quá 11. Đây là các vị trí mới được bổ sung so với Luật CAND năm 2014;

+ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương. Số lượng không quá 03. Luật CAND năm 2014 quy định các vị trí này thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

+ Phó Cục trưởng, Phó Tư lệnh và tương đương của đơn vị trực thuộc Bộ Công an quy định đối với trường hợp có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng. Số lượng: 17 đơn vị mỗi đơn vị không quá 04, các đơn vị còn lại mỗi đơn vị không quá 03;

+ Phó Giám đốc Công an thành phố Hà Nội, Phó Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Số lượng mỗi đơn vị không quá 03;

+ Sĩ quan Công an nhân dân biệt phái được phê chuẩn giữ chức vụ Ủy viên Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội hoặc được bổ nhiệm chức vụ Tổng cục trưởng hoặc tương đương.

- Quy định *“cứng”* số lượng vị trí có cấp bậc hàm cao nhất là Thiếu tướng không quá 157.

(iii) Thẩm quyền quy định cụ thể vị trí có cấp bậc hàm cao nhất là cấp Tướng trong Công an nhân dân.

Luật CAND năm 2018 bổ sung quy định: Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể vị trí có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng, Thiếu tướng chưa được quy định cụ thể trong Luật này. Theo đó, đối với các vị trí có cấp bậc hàm cao nhất là cấp Tướng đã được quy định cụ thể trong Luật thì đương nhiên được áp dụng, riêng đối với các vị trí có cấp bậc hàm cao nhất là cấp Tướng chưa được quy định cụ thể trong Luật sẽ được xác định cụ thể trong Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về vấn đề này.

(iv) Trường hợp quy định cấp bậc hàm cao nhất cao hơn một bậc

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 đã bổ sung quy định về các trường hợp quy định cấp bậc hàm cao nhất cao hơn một bậc đối với vị trí Trưởng phòng, Trưởng Công an quận như sau:

Trưởng phòng và tương đương ở đơn vị thuộc cơ quan Bộ có chức năng, nhiệm vụ trực tiếp chiến đấu, tham mưu, nghiên cứu, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ toàn lực lượng; Trưởng phòng tham mưu, nghiệp vụ, Trưởng Công an quận thuộc Công an thành phố Hà Nội, Công an Thành phố Hồ Chí Minh có cấp bậc hàm cao nhất cao hơn một bậc quy định về cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ Trưởng phòng và tương đương, Trưởng Công an quận.

*4.7. Thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm, nâng lương sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức các chức vụ; bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh trong Công an nhân dân (Điều 26)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ: bỏ quy định bổ nhiệm các chức vụ Tổng cục trưởng, Tư lệnh, Chính ủy Bộ Tư lệnh và bổ sung quy địnhquyết định nâng lương cấp bậc hàm Đại tướng, Thượng tướng cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới của Bộ Công an.

- Bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Công an quyết định nâng lương cấp bậc hàm Trung tướng, Thiếu tướng và chỉnh lý về mặt kỹ thuật thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công an về phong, thăng, nâng lương các cấp bậc hàm, bổ nhiệm các chức vụ, chức danh cho phù hợp.

- Bổ sung quy định *“người có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh nào thì có thẩm quyền miễn nhiệm đối với chức danh đó”*.

*4.8. Thủ tục phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm trong Công an nhân dân (Điều 27)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 chỉnh lý một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

*4.9. Điều động sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (Điều 28)*

Luật CAND năm 2018 kế thừa nội dung từ Luật CAND năm 2014.

*4.10. Biệt phái sĩ quan Công an nhân dân (Điều 29)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung quy định *“Sĩ quan Công an nhân dân khi kết thúc nhiệm vụ biệt phái được xem xét, bố trí chức vụ tương đương chức vụ biệt phái; được giữ nguyên quyền lợi của chức vụ biệt phái”.*

- Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về biệt phái sĩ quan Công an nhân dân.

- Chỉnh lý một số nội dung khác về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp cho phù hợp.

*4.11. Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan, sĩ quan Công an nhân dân (Điều 30)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung quy định về hạn tuổi phục vụ đối với hạ sĩ quan là 45 và chỉnh sửa hạn tuổi phục vụ đối với sĩ quan cấp tướng là 60 (không phân biệt nam là 60, nữ là 55 như Luật CAND năm 2014).

- Bổ sung quy định về hạn tuổi phục vụ của sĩ quan giữ chức vụ, chức danh trong Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhưng không vượt quá hạn tuổi phục vụ cao nhất của hạ sĩ quan, sĩ quan theo cấp bậc, trừ trường hợp sĩ quan Công an nhân dân là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia cao cấp được kéo dài hạn tuổi phục vụ theo quy định của Chính phủ.

- Chỉnh lý một số nội dung khác về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp cho phù hợp.

*4.12. Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (Điều 31)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 chỉnh lý một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

*4.13. Những việc sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không được làm (Điều 32)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 bổ sung quy định về *“lạm dụng”* vào những việc sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không được làm cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

**5. Bảo đảm điều kiện hoạt động và chế độ, chính sách đối với Công an nhân dân (Chương V)**

*5.1. Bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Công an nhân dân (Điều 33)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 chỉnh lý một số nội dung để bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Công an nhân dân.

*5.2. Công nghiệp an ninh (Điều 34)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 bổ sung một điều quy định về công nghiệp an ninh để thể chế hóa chủ trương của Đảng, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp; tạo cơ sở pháp lý để Bộ Công an triển khai thực hiện nhiệm vụ và phù hợp với thực tiễn công nghiệp an ninh đang triển khai.

*5.3. Trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, thiết bị, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện khác (Điều 35)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 đã bỏ quy định *“Nhà nước có chính sách ưu tiên ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; đầu tư nghiên cứu sản xuất thiết bị, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và công cụ hỗ trợ phục vụ công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng Công an nhân dân”.*

*5.4. Trang phục, công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân(Điều 36)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 kế thừa toàn bộ nội dung và chỉnh lý một nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

*5.5. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (Điều 37)*

Luật CAND năm 2018 kế thừa nội dung từ Luật CAND năm 2014.

*5.6. Tiền lương, phụ cấp, nhà ở và điều kiện làm việc đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (Điều 38)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 bổ sung quy định về *“sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân”* để xác định cụ thể đối tượng được hưởng chế độ, chính sách bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

*5.7. Chăm sóc sức khoẻ đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, sinh viên, học sinh, công nhân công an và thân nhân (Điều 39)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung đối tượng là công nhân công an để được hưởng chế độ chăm sóc sức khoẻ.

- Thay thế cụm từ *“cơ sở y tế”* thành *“cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”* cho phù hợp với các quy định về bảo hiểm y tế.

- Bổ sung đối tượng thân nhân được hưởng chế độ là *“Cha, mẹ đẻ, người nuôi dưỡng hợp pháp”* của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, sinh viên, học sinh, công nhân công an.

- Quy định cụ thể hơn đối tượng được hưởng chế độ đối với con dưới 18 tuổi gồm: con đẻ và con nuôi hợp pháp.

- Riêng đối chế độ đối với thân nhân của công nhân công an được quy định như sau: *“Cha, mẹ đẻ, người nuôi dưỡng hợp pháp; cha, mẹ đẻ, người nuôi dưỡng hợp pháp của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp dưới 18 tuổi của công nhân công an không có chế độ bảo hiểm y tế thì được mua bảo hiểm y tế, được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Chính phủ”.*

*5.8. Chế độ nghỉ ngơi của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và công nhân công an (Điều 40)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung đối tượng là công nhân công an để được hưởng chế độ nghỉ ngơi.

- Bổ sung quy định *“Sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp và công nhân công an do yêu cầu nhiệm vụ mà không được bố trí nghỉ hằng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ”* để phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản liên quan.

*5.9. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, bệnh binh, hy sinh, từ trần (Điều 41)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi quy định về chế độ, chính sách đối với bệnh binh như sau: *“Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân khi xuất ngũ là bệnh binh được hưởng quyền lợi quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này và các chế độ khác theo quy định của pháp luật”.* Sửa đổi quy định *“Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân khi xuất ngũ là bệnh binh”* để phù hợp với các quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

- Ngoài ra, chỉnh lý một số nội dung khác về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp cho phù hợp.

*5.10. Chế độ, chính sách đối với sinh viên, học sinh, công nhân công an, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ và thân nhân của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ (Điều 42)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi quy định về chế độ, chính sách đối với công nhân công an để bảo đảm tương đồng, phù hợp với công nhân quốc phòng như sau: *“Công nhân công an được áp dụng chế độ, chính sách như đối với công nhân quốc phòng”.*

- Bổ sung quy định riêng biệt về chế độ, chính sách đối với thân nhân của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân như đối với thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân bảo đảm tương đồng, phù hợp, cụ thể như sau: *“Thân nhân của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được hưởng các chế độ, chính sách quy định đối với thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ trong lực lượng vũ trang nhân dân”.*

**6. Khen thưởng và xử lý vi phạm (Chương VI)**

*6.1. Khen thưởng (Điều 43)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 chỉnh lý một số nội dung về mặt kỹ thuật để bảo đảm kỹ thuật lập pháp.

*6.2. Xử lý vi phạm (Điều 44)*

So với Luật CAND năm 2014, Luật CAND năm 2018 sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung quy định về *“bồi hoàn”* gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng của người khác, tài sản hoặc lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá.

- Bổ sung thêm quy định sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không được sử dụng *“trang phục”* khi bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam.

- Sửa đổi quy định *“nếu bị tước danh hiệu Công an nhân dân thì bị tước cấp bậc hàm, công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu”.*

- Bổ sung thêm một số hành vi của cá nhân, cơ quan, tổ chức đối với hoạt động của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân trong thi hành công vụ thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung thêm quy định *“Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi trốn tránh, chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”.*

**7. Điều khoản thi hành (Chương VII)**

*7.1. Hiệu lực thi hành (Điều 45)*

Điều khoản quy định về hiệu lực thi hành của Luật CAND năm 2018 về cơ bản được cơ cấu như Luật CAND năm 2014.

Riêng hiệu lực thi hành đối với các quy định về chế độ, chính sách đối với các chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung quy định về *cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng* cũng sẽ có hiệu lực thi hành sớm hơn như các quy định về *phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm cấp tướng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức các chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng*.

- Xác định cụ thể ngày có hiệu lực thi hành đối với các quy định về chế độ, chính sách đối với các chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng là ngày 11/01/2019.

*7.2. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 46)*

Để bảo đảm lộ trình xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy, Luật CAND năm 2018 đã dành một điều khoản chuyển tiếp các quy định của Pháp lệnh Công an xã và các văn bản liên quan đối với 02 trường hợp: xã đã tổ chức công an chính quy, xã, thị trấn chưa tổ chức công an chính, cụ thể như sau:

*“1. Đối với xã, thị trấn đã tổ chức công an chính quy thì thực hiện như sau:*

*a) Không áp dụng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 61 của Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12;*

*b) Không áp dụng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Công an xã tại điểm c khoản 7 Điều 19 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;*

*c) Các chức danh Công an xã bán chuyên trách được bổ nhiệm, bố trí theo quy định của Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 kết thúc nhiệm vụ và được sử dụng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở, được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 cho đến khi có văn bản quy phạm pháp luật khác.*

*2. Đối với xã, thị trấn chưa tổ chức công an chính quy thì các quy định về Công an xã tiếp tục được áp dụng theo Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12, Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13.”*

*7.3. Quy định chi tiết*

Luật CAND năm 2018 không dành một điều riêng về quy định chi tiết như Luật CAND năm 2014 (Điều 45), vì các nội dung giao quy định chi tiết đã được quy định tại các điều, khoản cụ thể của các điều luật.